

# TÁC ĐỘNG CỦA QUẢN TRỊ ĐẾN ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI: VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Ths. Nguyễn Thị Thanh Hoa\* - PGS.TS. Lê Đình Hạc\*\* - PGS.TS. Nguyễn Văn Chiến\*

*Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của quản trị ngân hàng và quản trị quốc gia đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại, đồng thời kiểm định vai trò điều tiết của quản trị quốc gia. Sử dụng dữ liệu từ 26 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2008-2023, nhóm tác giả áp dụng phương pháp System Generalized Method of Moments (SGMM) để xử lý vấn đề nội sinh và hiệu ứng động trong mô hình. Kết quả nhằm nhấn mạnh vai trò quan trọng của quản trị quốc gia trong việc định hình hiệu quả của quản trị ngân hàng. Hàm ý chính sách đề xuất rằng các nhà hoạch định chính sách nên tăng cường khung quản trị quốc gia, đặc biệt về minh bạch pháp lý và chống tham nhũng, trong khi các ngân hàng cần thúc đẩy đa dạng hội đồng quản trị và hạn chế kiêm nhiệm CEO để nâng cao ổn định tài chính, đặc biệt trong bối cảnh quản trị yếu.*

• Từ khóa: ổn định tài chính, quản trị ngân hàng, quản trị quốc gia, tác động điều tiết.

*This study analyzes the impact of bank governance and national governance on the financial stability of commercial banks, while examining the moderating role of national governance. Utilizing data from 26 Vietnamese commercial banks over the period 2008-2023, we employ the System Generalized Method of Moments (SGMM) to address endogeneity and dynamic effects in the model. The results highlight the important role of national regulators in the effective work of bank regulators. The proposed policy implications of the publication suggest that policy objectives should be to strengthen national governance frameworks, especially in terms of legal transparency and anti-corruption, while banks should provide board diversity and limit CEO mandates to enhance financial stability, especially in the context of weak governance.*

• Key words: banking governance, country governance, financial stability, moderating effect.

JEL codes: G21, G34

Ngày gửi bài: 17/01/2025

Ngày gửi phản biện: 24/01/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 23/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 27/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i292.16>

## 1. Đặt vấn đề

Ổn định tài chính là điều kiện tiên quyết để các ngân hàng hoạt động hiệu quả trong thị trường tài chính, đặc biệt là trong điều kiện hỗn loạn (Fedyshyn và Chebotar, 2023). Laeven và Valencia (2018) cho thấy rằng các cuộc khủng hoảng ngân hàng trên thế

giới để lại tổn thất tài chính nặng nề, tại các nước thu nhập cao tổn thất sản lượng khoảng 35% GDP trong khi ở các nước thu nhập thấp và trung bình, tỉ lệ này chiếm khoảng 14%. Việc cải thiện chất lượng quản trị sẽ góp phần hạn chế những hành vi trục lợi và tư lợi phổ biến của những cá nhân trong nội bộ doanh nghiệp trong khuôn khổ các hệ thống chính quyền địa phương dựa trên mối quan hệ khách hàng, gây trở ngại nghiêm trọng cho sự phát triển năng suất bền vững (Perpelea và Mihalcea, 2015).

Ở góc độ vĩ mô, các quốc gia có khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh và chất lượng thực thi cao thường có thị trường vốn phát triển hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng và doanh nghiệp đi vay trong việc huy động vốn từ bên ngoài. Hiệu quả quản trị quốc gia tốt làm giảm tác động tiêu cực của tài chính toàn diện đến ổn định tài chính của các ngân hàng ASEAN (Ha Thi Thieu Dao và Nguyen Dang Hai Yen, 2023).

Nghiên cứu này không chỉ kiểm định lại tác động của quản trị ngân hàng và quản trị quốc gia lên ổn định tài chính ngân hàng thương mại mà còn làm rõ liệu quản trị quốc gia có vai trò điều tiết lên mối quan hệ giữa quản trị và ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại hay không.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Tác động của quản trị đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại

Lý thuyết đại diện cho thấy việc quản trị hiệu quả có thể giúp duy trì sự ổn định tài chính bằng cách đảm bảo rằng những người đại diện hành động vì lợi ích tốt nhất của người đứng đầu, từ đó giảm khả

\* NCS, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Giảng viên Trường Đại học Thủ Dầu Một; email: [nthoa@tdmu.edu.vn](mailto:nthoa@tdmu.edu.vn)

\*\* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

năng xảy ra rủi ro tài chính và cải thiện sự ổn định tổng thể (Affes và Jarboui, 2023).

Khi xem xét tác động của quản trị đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại, các nghiên cứu thường xem xét các yếu tố: quy mô hội đồng quản trị (hay số lượng thành viên của hội đồng quản trị), tỉ lệ hay số lượng thành viên nữ, tỉ lệ hay số lượng thành viên độc lập, tỉ lệ hay số lượng thành viên nước ngoài, tính kiêm nhiệm hay quyền lực của giám đốc điều hành. Một hội đồng quản trị có nhiều thành viên sẽ mang lại sự đa dạng về chuyên môn và kiến thức trong các lĩnh vực khác nhau, có thể hỗ trợ các CEO tốt hơn trong việc ra quyết định và do đó quy mô hội đồng quản trị càng lớn thì hiệu quả hoạt động của ngân hàng càng cao (Caprio và cộng sự, 2007). Các thành viên nữ có xu hướng đưa ra các quyết định tài chính thận trọng và ít chấp nhận rủi ro hơn, dẫn đến hiệu quả tài chính tốt hơn và tăng tính ổn định của ngân hàng (Nguyen Thi Nhu Quynh và cộng sự, 2022). Các giám đốc nước ngoài có thể áp dụng các công nghệ và kỹ thuật quản lý mới, mang lại hiệu quả hoạt động tốt hơn. Hơn nữa, họ có ưu thế trong việc áp dụng các kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế đối với hệ thống ngân hàng thương trong việc đo lường và phòng ngừa rủi ro (Nguyen Quang Khai, 2022).

Việc tách biệt vai trò của Chủ tịch và Giám đốc điều hành làm gia tăng rủi ro cho các ngân hàng (Harkin và cộng sự, 2020). Anginer và cộng sự (2018) tìm thấy tác động tích cực tính độc lập của hội đồng quản trị đến việc chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Do đó, việc tách biệt vai trò giữa giám đốc điều hành và hội đồng quản trị là thực sự cần thiết.

## 2.2. Tác động của quản trị quốc gia đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại

Lý thuyết thể chế giải thích cơ chế tác động của quản trị quốc gia đến khả năng lập kế hoạch, đầu tư và hoạt động của các doanh nghiệp trong đó có ngân hàng, từ đó tác động đến ổn định tài chính của các tổ chức này (Sahin và Mert, 2022). Và hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng quản trị quốc gia hiệu quả sẽ góp phần làm gia tăng ổn định tài chính của các ngân hàng. Đồng thời, giúp xác định và giảm thiểu rủi ro và mang lại những hiệu quả hoạt động tích cực (Ha Thi Thieu Dao và Nguyen Dang Hai Yen, 2023).

## 2.3. Tác động tương tác của quản trị quốc gia đến mối quan hệ giữa quản trị và ổn định tài chính của các ngân hàng

Hiện có rất ít nghiên cứu xem xét tác động của quản trị quốc gia đến mối quan hệ giữa quản trị và ổn định tài chính của các ngân hàng. Tuy nhiên,

Akmal và cộng sự (2024) đã cho thấy vai trò của quản trị quốc gia như một yếu tố điều tiết tác động của quản trị công ty lên hiệu quả hoạt động. Rashid và cộng sự (2024) lại cho thấy quản trị quốc gia có vai trò quan trọng trong việc điều tiết mối quan hệ giữa quản trị và hoạt động quản lý rủi ro, cũng như đóng góp đáng kể vào việc giảm mức độ rủi ro. Những nghiên cứu trên mặc dù không khẳng định vai trò điều tiết của quản trị quốc gia đến mối quan hệ giữa quản trị và ổn định tài chính của các ngân hàng nhưng cũng có thể suy luận được rằng, ngoài tác động trực tiếp thì quản trị quốc gia có thể còn có tác động gián tiếp đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Mô hình nghiên cứu

Để phân tích tác động của quản trị ngân hàng và quản trị quốc gia đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, mô hình được xây dựng như sau:

$$ZSCORE_{it} = \beta_0 + \beta_1 ZSCORE_{it-1} + \beta_2 BGO_{it} + \beta_3 NGO_{it} + \beta_4 BGO \times NGO_{it} + \beta_5 CONTROL_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó, BGO là yếu tố quản trị ngân hàng bao gồm: Quy mô HĐQT (TOM), Tỉ lệ thành viên nữ (WMR), Tỉ lệ thành viên nước ngoài (FMR), và Tính kiêm nhiệm giám đốc điều hành (CEO); CONTROL là các biến kiểm soát bao gồm Quy mô ngân hàng (SIZE), Tỉ lệ vốn chủ sở hữu (ETA), Tỷ suất sinh lợi (ROA), Tỉ lệ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR), Tỉ lệ thu nhập ngoài lãi (NIR), Tăng trưởng GDP (GDP), và Lạm phát (INF).

### 3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập và tính toán từ báo cáo thường niên của 26 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2008-2023. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng sử dụng dữ liệu kinh tế vĩ mô gồm: tốc độ tăng trưởng GDP và lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn này theo số liệu công bố của World Bank. Đây là bộ dữ liệu bảng cân bằng của 26 ngân hàng trong 16 năm bao gồm 416 quan sát.

### 3.3. Phương pháp phân tích

Phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp ước lượng mô men tổng quát hệ thống (SGMM - System Generalized Method of Moments) để xử lý vấn đề nội sinh và tính động của ZSCORE bằng cách sử dụng các biến công cụ. Độ tin cậy của mô hình được kiểm tra thông qua các kiểm định Hansen và Arellano-Bond (autocorrelation).

#### 4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1 mô tả giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của 416 quan sát thu thập được. Trong đó, ổn định tài chính (ZSCORE) có trung bình là 22.16 và độ lệch chuẩn là 12.96 cho thấy mặc dù xét về độ lớn, các ngân hàng thương mại Việt Nam có mức độ ổn định khá cao nhưng có sự khác biệt lớn giữa các ngân hàng qua các thời kỳ. Số lượng thành viên hội đồng quản trị dao động từ 3 đến 11 thành viên. Đa đa số thành viên thuộc hội đồng quản trị là thành viên nam, số lượng thành viên nữ chỉ chiếm khoảng 19.22%. Số lượng thành viên nước ngoài trong hội đồng quản trị cũng chiếm tỉ trọng nhỏ, trung bình chưa đến 9%. Có khoảng 61.5% ngân hàng có tình trạng thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ giám đốc điều hành. Chất lượng quản trị quốc gia (NGO) được tính toán theo phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) từ 6 chỉ số quản trị toàn cầu của Việt Nam. Giá trị trung bình của NGO gần bằng 0 cho thấy đánh giá về hiệu quả quản trị quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn 2008-2023 chỉ mới ở mức trung bình.

**Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu**

| Variable | OZSCORE | Mean                    | Std. dev. | Min       | Max      |
|----------|---------|-------------------------|-----------|-----------|----------|
| ZSCORE   | 416     | 22.16708                | 12.9552   | .6883362  | 101.5967 |
| TOM      | 416     | 7.228365                | 1.747498  | 3         | 11       |
| WMR      | 416     | 19.2266                 | 16.74049  | 0         | 80       |
| FMR      | 416     | 8.965956                | 12.35186  | 0         | 50       |
| CEO      | 416     | 0.6153846               | 0.4870901 | 0         | 1        |
| NGO      | 416     | -4.34x10 <sup>-18</sup> | .9694107  | -1.2357   | 1.51394  |
| ROA      | 416     | .9628606                | .7796269  | -5.511746 | 5.951845 |
| SIZE     | 416     | 32.29429                | 1.32094   | 28.51423  | 35.37206 |
| ETA      | 416     | 10.03174                | 5.262697  | 4.06177   | 46.24462 |
| LDR      | 416     | 90.40852                | 21.01648  | 23.5      | 208.58   |
| NIR      | 416     | 19.57537                | 13.29173  | -55.16108 | 77.46725 |
| GDP      | 416     | 5.962943                | 1.478204  | 2.553729  | 8.123514 |
| INF      | 416     | 6.381861                | 6.021955  | .6312009  | 23.11545 |

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

Bảng 2 mô tả mối quan hệ tương quan giữa các biến trong mô hình. Theo đó, ổn định tài chính của các ngân hàng có tương quan mạnh nhất với tỉ lệ vốn chủ sở hữu (ETA), tỉ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) và tỉ lệ lạm phát. Các chỉ tiêu TOM, FMR, NGO, SIZE, NIR và GDP đang cho thấy có tương quan âm với ZSCORE trong khi các yếu tố còn lại có tương quan dương. Hệ số tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình dao động từ -0.69 đến 0.53 cho thấy không tồn tại tương quan quá cao giữa các biến độc lập và khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình là rất thấp.

Bảng 3 cho thấy ổn định tài chính ngân hàng (ZSCORE) chịu ảnh hưởng bởi quản trị ngân hàng và quản trị quốc gia. Số lượng thành viên HĐQT (TOM) và tỉ lệ thành viên nước ngoài chỉ có tác

động tích cực đến ZSCORE ở mức ý nghĩa 10%. Tỷ lệ thành viên nữ có tác động tích cực nhưng tính kiêm nhiệm CEO lại tác động tiêu cực đến ổn định tài chính. Cả 4 mô hình ước lượng đều cho thấy quản trị quốc gia có tác động tích cực đến ổn định của các ngân hàng. Đối với các biến kiểm soát, ổn định tài chính ngân hàng chịu ảnh hưởng mạnh tăng trưởng GDP (GDP), và tỷ suất sinh lợi (ROA); quy mô ngân hàng (SIZE) và tỷ lệ vốn chủ sở hữu (ETA) có tác động âm, còn tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) ảnh hưởng dương nhẹ, hệ số thu nhập ngoài lãi (NIR) không ý nghĩa thống kê và hệ số của lạm phát (INF) cho thấy tác động không nhất quán.

**Bảng 2. Ma trận hệ số tương quan**

|        | ZSCORE | TOM   | WMR   | FMR   | CEO   | NGO   | ROA   | SIZE  | ETA   | LDR   | NIR   | GDP  | INF  |
|--------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|------|
| ZSCORE | 1.00   |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |      |      |
| TOM    | -0.14  | 1.00  |       |       |       |       |       |       |       |       |       |      |      |
| WMR    | 0.14   | -0.05 | 1.00  |       |       |       |       |       |       |       |       |      |      |
| FMR    | -0.19  | 0.36  | -0.15 | 1.00  |       |       |       |       |       |       |       |      |      |
| CEO    | 0.11   | 0.07  | -0.02 | -0.29 | 1.00  |       |       |       |       |       |       |      |      |
| NGO    | -0.25  | 0.03  | 0.17  | 0.05  | 0.05  | 1.00  |       |       |       |       |       |      |      |
| ROA    | 0.07   | 0.15  | -0.21 | 0.03  | -0.03 | 0.03  | 1.00  |       |       |       |       |      |      |
| SIZE   | -0.19  | 0.39  | 0.05  | 0.23  | 0.14  | 0.53  | 0.15  | 1.00  |       |       |       |      |      |
| ETA    | 0.43   | -0.14 | -0.18 | -0.13 | -0.07 | -0.30 | 0.35  | -0.60 | 1.00  |       |       |      |      |
| LDR    | 0.40   | -0.09 | -0.05 | -0.07 | 0.01  | 0.08  | 0.28  | 0.00  | 0.25  | 1.00  |       |      |      |
| NIR    | -0.06  | 0.17  | -0.04 | 0.12  | 0.00  | 0.11  | 0.07  | 0.18  | -0.03 | -0.03 | 1.00  |      |      |
| GDP    | -0.04  | -0.02 | -0.01 | 0.00  | 0.04  | -0.22 | -0.09 | -0.04 | -0.04 | -0.04 | -0.12 | 1.00 |      |
| INF    | 0.32   | -0.04 | -0.12 | -0.07 | -0.07 | -0.69 | 0.10  | -0.43 | 0.38  | 0.06  | -0.09 | 0.00 | 1.00 |

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

**Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình chưa có biến điều tiết**

| Biến phụ thuộc | ZSCORE    | ZSCORE    | ZSCORE    | ZSCORE    |
|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| L.ZSCORE       | 1.041***  | 0.978***  | 1.041***  | 1.006***  |
| TOM            | 0.231*    |           |           |           |
| WMR            |           | 0.0956*** |           |           |
| FMR            |           |           | 0.0358*   |           |
| CEO            |           |           |           | -1.260**  |
| NGO            | 1.010***  | 1.734***  | 1.635***  | 1.620***  |
| ROA            | 1.159**   | 1.054*    | 0.885     | 1.578**   |
| SIZE           | -0.654**  | -1.669*** | -1.016*   | -1.174**  |
| ETA            | -0.617*** | -0.461*** | -0.669*** | -0.625*** |
| LDR            | 0.0547*** | 0.0539*** | 0.0489*** | 0.0286    |
| NIR            | 0.00369   | -0.0333   | -0.0268   | -0.0621   |
| GDP            | 0.223***  | 0.258***  | 0.238***  | 0.251***  |
| INF            | -0.0245   | 0.119**   | 0.0655    | 0.0476    |
| _cons          | 16.00*    | 48.49***  | 30.29*    | 38.64**   |

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

Đề kiểm định vai trò của yếu tố quản trị quốc gia lên mối quan hệ giữa quản trị ngân hàng và ổn định tài chính của ngân hàng, nhóm tác giả đưa vào biến điều tiết và ước lượng lại các mô hình, kết quả thu được cho bởi bảng 4. Đối với tác động của các chỉ tiêu quản trị ngân hàng, Số lượng thành viên HĐQT (TOM) không có ý nghĩa thống kê; Tỷ lệ thành viên nữ (WMR) có tác động dương và ý nghĩa cao cho thấy sự đa dạng giới tính trong HĐQT thúc đẩy ổn định tài chính; Tỷ lệ thành viên nước ngoài (FMR) vẫn có tác động dương nhưng yếu khẳng định vai

trò tích cực nhưng hạn chế của thành viên nước ngoài; Tính kiêm nhiệm CEO (CEO) tiếp tục có tác động âm, cho thấy kiêm nhiệm làm gia tăng rủi ro ổn định tài chính. Đối với tác động của yếu tố quản trị quốc gia, các hệ số hồi quy của NGO đều dương và ý nghĩa thống kê cao cho thấy quản trị quốc gia tốt tiếp tục là yếu tố quan trọng thúc đẩy ổn định tài chính ngân hàng.

Hệ số của các biến điều tiết mô tả vai trò điều tiết của NGO đối với các yếu tố quản trị ngân hàng. NGO tác động tích cực tiềm tàng của số lượng thành viên HĐQT bị giảm khi quản trị quốc gia tốt, ngụ ý rằng HĐQT đông thành viên không mang lại lợi ích bổ sung trong môi trường quản trị mạnh. Tương tự, hệ số WMRxNGO và FMRxNGO cho thấy tác động tích cực của tỷ lệ thành viên nữ và thành viên nước ngoài bị suy yếu khi NGO cao, có thể do quản trị quốc gia tốt đã đủ để đảm bảo ổn định, giảm nhu cầu đa dạng hóa HĐQT. Hệ số của CEOxNGO không có ý nghĩa thống kê cho thấy tác động điều tiết của NGO không rõ ràng.

**Bảng 4. Kết quả hồi quy mô hình có biến điều tiết**

| Biến phụ thuộc | ZSCORE    | ZSCORE    | ZSCORE    | ZSCORE    |
|----------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| LZSCORE        | 1.047***  | 0.819***  | 1.018***  | 0.892***  |
| TOM            | 0.171     |           |           |           |
| TOMxNGO        | -0.305*   |           |           |           |
| WMR            |           | 0.166***  |           |           |
| WMRxNGO        |           | -0.0335** |           |           |
| FMR            |           |           | 0.0367**  |           |
| FMRxNGO        |           |           | -0.0495*  |           |
| CEO            |           |           |           | -1.072*   |
| CEOxNGO        |           |           |           | -1.05     |
| NGO            | 3.417***  | 2.351***  | 1.565***  | 1.578**   |
| ROA            | 1.049*    | 2.585***  | 2.209***  | 1.257***  |
| SIZE           | -0.776**  | -2.522*** | -1.042**  | -0.423    |
| ETA            | -0.693*** | 0.0118    | -0.631*** | -0.311*** |
| LDR            | 0.0569*** | 0.0434**  | 0.0247    | 0.0382*** |
| NIR            | -0.0164   | -0.00133  | -0.00584  | -0.0232   |
| GDP            | 0.218***  | 0.255***  | 0.245***  | 0.182***  |
| INF            | -0.013    | 0.0742*   | -0.128    | 0.068     |
| _cons          | 21.17**   | 73.04**   | 32.81**   | 12.95     |

Nguồn: tính toán của nhóm tác giả

## 5. Kết luận

Với dữ liệu kinh tế vĩ mô và dữ liệu thu thập từ 26 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2008-2023, nhóm tác giả đã ước lượng các mô hình SGMM. Kết quả thu được đã cung cấp các bằng chứng thực nghiệm và làm rõ 3 nội dung chính sau đây:

**Thứ nhất**, quản trị ngân hàng có tác động đáng kể đến ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại, với các yếu tố như tỷ lệ thành viên nữ và tỷ lệ thành viên nước ngoài thể hiện vai trò tích cực, trong khi kiêm nhiệm CEO có tác động tiêu cực. Do đó, để tăng tính ổn định, các ngân hàng nên tăng cường đa dạng giới tính và quốc tịch trong HĐQT,

đồng thời hạn chế việc kiêm nhiệm CEO của các thành viên nhằm giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, cơ quan quản lý cần xây dựng các quy định khuyến khích cấu trúc HĐQT đa dạng và giám sát chặt chẽ vai trò kiêm nhiệm để đảm bảo tính bền vững của hệ thống ngân hàng.

**Thứ hai**, quản trị quốc gia có tác động tích cực mạnh mẽ đến ổn định tài chính ngân hàng. Điều này cho thấy, hoạt động quản trị quốc gia càng hiệu quả càng thúc đẩy tính ổn định của các ngân hàng thương mại. Do đó, chính phủ cần cải thiện chất lượng quản trị quốc gia thông qua củng cố pháp luật, tăng minh bạch và chống tham nhũng để hỗ trợ ổn định tài chính ngân hàng, đồng thời khuyến khích các ngân hàng tận dụng môi trường quản trị tốt để tối ưu hóa hiệu quả quản trị nội bộ.

**Cuối cùng**, kết quả nghiên cứu đã khẳng định vai trò điều tiết của quản trị quốc gia lên tác động của các yếu tố quản trị ngân hàng đến ổn định tài chính của các ngân hàng, tuy nhiên tác động điều tiết đối với từng yếu tố là không giống nhau. Khi quản trị quốc gia tốt, tác động tích cực của số lượng thành viên HĐQT, tỷ lệ thành viên nữ, và thành viên nước ngoài lên ổn định tài chính bị suy yếu, ngụ ý môi trường quản trị quốc gia mạnh có thể thay thế một phần vai trò của quản trị nội bộ. Riêng vai trò điều tiết của quản trị quốc gia đến tính kiêm nhiệm giám đốc điều hành cần phải nghiên cứu thêm vì hệ số hồi quy của biến điều tiết chưa có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này. Kết quả này hàm ý rằng chính phủ cần tiếp tục cải thiện hiệu quả quản trị để tạo môi trường hỗ trợ ổn định tài chính. Đồng thời, các ngân hàng nên điều chỉnh cấu trúc HĐQT phù hợp với bối cảnh quản trị quốc gia, và giảm phụ thuộc vào các yếu tố này khi môi trường quản trị được cải thiện.

## Tài liệu tham khảo:

- Affes, W., & Jarbou, A. (2023). The impact of corporate governance on financial performance: A cross-sector study. *International Journal of Disclosure and Governance*, 20(4), 374-394.
- Akmal, M., Rashid, Dr. A., Shah, S. M., & Rehman, J. (2024). Corporate Governance and Performance in Islamic and Conventional Financial Institutions: Moderating Role of Institutional Quality. *Audit and Accounting Review*, 4, 54-80.
- Andries, A. M., Mutu, S., & Ursu, S. G. (2014). Impact of Institutions, Financial Reform and Economic Governance on Bank Performance. *Transformations In Business & Economics*, 13(3C), 410-429.
- Anginer, D., Demircuc-Kunt, A., Huizinga, H., & Ma, K. (2018). Corporate governance of banks and financial stability. *Journal of Financial Economics*, 130(2), 327-346.
- Laeven, M. L., & Valencia, M. F. (2018). Systemic banking crises revisited. *International Monetary Fund*.
- Nguyen Quang Khai (2022). Determinants of bank risk governance structure: A cross-country analysis. *Research in International Business and Finance*, 60, 101575.
- Nguyen Thi Nhu Quynh, Nguyen Duc Trung, Le Hoang Anh, & Le Dinh Luan. (2022). Corporate governance and Financial Stability: The case of commercial banks in Vietnam. *Journal of Risk and Financial Management*, 15(11), 514.
- Nguyen Vu Hong Thai & Boateng, A. (2015). An analysis of involuntary excess reserves, monetary policy and risk-taking behaviour of Chinese banks. *International Review of Financial Analysis*, 37, 63-72.
- Perpelea, M., & Mihalcea, A. (2015). The importance of corporate governance in banking. Evidence from the banks listed at Bucharest Stock Exchange. *Local versus Global*, 536.
- Sief, N., & Dimelis, S. (2023). Does government stability affect the banking system's stability? *Finance*, 44(3), 5-46.